

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐOÀN NGỌC HUYỀN

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỘI MUA BÁN
NGƯỜI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: Thiếu tướng, TS. BẠCH THÀNH ĐỊNH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các biểu đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI	8
1.1. Khái niệm Tội mua bán người	8
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về Tội mua bán người từ năm 1945 đến nay	11
1.2.1. Tội mua bán người trong pháp luật hình sự Việt Nam đến trước khi pháp điển hóa hình sự năm 1985	11
1.2.2. Tội mua bán người trong pháp luật hình sự Việt Nam từ khi pháp điển hóa hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999	13
1.2.3. Tội mua bán người trong luật hình sự một số nước trên thế giới	15
1.3. Đặc điểm Tội mua bán người	20
1.3.1. Mục đích phạm tội, dấu hiệu định tội của cấu thành tội phạm Tội mua bán người	20
1.3.2. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của Tội mua bán người	22
Kết luận chương 1	38
Chương 2: THỰC TIỄN CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA VÀ ĐẤU TRANH VỚI TỘI MUA BÁN NGƯỜI	39
2.1. Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người	39
2.1. Tình hình Tội mua bán người ở Việt Nam	42
2.2.1. Về số vụ án mua bán người, mua bán trẻ em và số bị cáo phạm tội	43
2.2.2. Về hình phạt được Tòa án áp dụng đối với bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em	47
2.2.3. Về đặc điểm nhân thân bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em	48
2.2.4. Một số phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người	50
2.2.5. Tính chất của tội phạm mua bán người, mua bán trẻ em trong thời gian qua (từ năm 2009-2013)	51
2.3. Thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người trên địa bàn Hà Nội từ năm 2009-2013	54

2.3.1.	Công tác phòng ngừa	55
2.3.2.	Công tác đấu tranh	59
2.4.	Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	70
2.4.1.	Nguyên nhân về kinh tế - xã hội	70
2.4.2.	Nguyên nhân về văn hóa - giáo dục	73
2.4.3.	Nguyên nhân thuộc về nhận thức và công tác tuyên truyền pháp luật	76
2.4.4.	Nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong hoạt động quản lý nhà nước về phòng ngừa tội phạm mua bán người	78
2.4.5.	Nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế trong hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật và khó khăn của vấn đề hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm mua bán người	81
2.4.6.	Nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân và gia đình họ.....	84
2.4.7.	Nguyên nhân xuất phát từ những bất cập của các quy định pháp luật.....	87
	Kết luận chương 2.....	92
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ ĐẤU TRANH ĐỐI VỚI TỘI MUA BÁN NGƯỜI.....		
		93
3.1.	Hoàn thiện pháp luật về Tội mua bán người	93
3.2.	Những giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người tại Việt Nam.....	97
3.2.1.	Giải pháp về kinh tế - xã hội.....	97
3.2.2.	Giải pháp về văn hóa - giáo dục.....	99
3.2.3.	Biện pháp nâng cao nhận thức và tuyên truyền pháp luật	102
3.2.4.	Giải pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về phòng ngừa tội phạm.....	106
3.2.5.	Giải pháp nâng cao hiệu quả của các cơ quan thi hành pháp luật và tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm mua bán người	109
3.2.6.	Giải pháp về phía nạn nhân và gia đình họ	113
	Kết luận chương 3.....	114
	KẾT LUẬN.....	116
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự nghiệp đổi mới đã đem lại cho đất nước ta nhiều thành tựu quan trọng, nền kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt trên nhiều mặt, vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng làm phát sinh những yếu tố tiêu cực cho đời sống xã hội. Tình hình tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người trở thành một vấn nạn, mang tính thời sự nóng bỏng và gây bức xúc trong toàn xã hội, không chỉ ở Việt Nam mà trên phạm vi toàn thế giới với diễn biến ngày càng phức tạp; tính chất và thủ đoạn hoạt động ngày càng nghiêm trọng, tinh vi, xảo quyệt; nhiều trường hợp có tổ chức chặt chẽ và có tính xuyên quốc gia. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong công tác phòng, chống mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em. Nhưng bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Điều này thể hiện ở chỗ: Về lý luận, đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhằm bảo vệ quyền con người nói chung, quyền của phụ nữ và trẻ em nói riêng như: Hiến pháp; Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật hình sự; Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính... góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, ngăn chặn, trừng trị tội phạm mua bán người. Chúng ta đã tăng cường phối hợp với các nước, các tổ chức quốc tế, nhất là hợp tác với các nước láng giềng, các nước trong khu vực để triển khai nhiều hoạt động liên quan đến phòng, chống buôn bán người. Tuy nhiên, các điều luật quy định về tội này trong BLHS năm 1999 còn tồn tại một số bất cập, thiếu sót, còn chưa phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Bên cạnh đó, vẫn còn một số kẽ hở, thiếu sót trong một số lĩnh vực pháp luật như lĩnh vực kết hôn với người nước ngoài, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, sử dụng lao động, xuất khẩu lao động... Ngoài ra, các quy định hiện hành liên quan đến hồi hương, tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hoà nhập cộng đồng vẫn còn lẻ tẻ chắp vá tập trung thống nhất, chắp vá có văn bản hướng dẫn cụ thể về thủ tục, nguồn cấp kinh phí dẫn đến việc áp dụng còn gặp nhiều lúng túng. Về thực tiễn, công tác điều tra cơ bản nắm tình hình chưa thường xuyên, chưa kịp thời, chưa đánh giá đúng thực trạng và làm rõ được nguyên nhân, điều kiện, quy luật, thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm. Hiệu quả công tác phòng ngừa, truy tố, xét xử tội phạm này chưa cao. Trong những năm gần đây, tội phạm này có xu hướng gia tăng và có diễn biến ngày càng phức tạp, tỷ lệ ẩn cao. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội mua bán người và thực tiễn để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm này không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để học viên lựa chọn đề tài "**Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người theo luật hình sự Việt Nam**" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Do tội mua bán người có diễn biến phức tạp và có tính chất “xuyên quốc gia” nên ở trong và ngoài nước đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ khác nhau, những khía cạnh, phương diện khác nhau về tội mua bán người như:

Phát hiện, điều tra các tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới của lực lượng cảnh sát nhân dân (Luận án tiến sĩ luật học (2006) của Trần Minh Hưởng bảo vệ tại trường Đại học Luật TP.HCM ; *Đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp* (Luận văn Thạc sĩ luật học (2006) của Nguyễn Quyết Thắng bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội... Các bài viết: *Cần từng bước hoàn thiện pháp luật về công tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em* của tác giả Lương Thanh Hải (Tạp chí Tòa án nhân dân số 7/2006); *Luật Phòng, chống mua bán người - Cơ sở pháp lý đấu tranh chống tội phạm mua bán người trong thời gian tới* của GS.TS Nguyễn Ngọc Anh (Tạp chí CAND số chuyên đề tháng 8 năm 2011)...

Trong các công trình kể trên một số tác giả đã nghiên cứu về thực trạng, tìm ra nguyên nhân và đưa ra các giải pháp phòng ngừa tội mua bán phụ nữ, trẻ em trên toàn quốc hoặc ở một số địa phương nhất định, một số tác giả đề cập đến những vấn đề chuyên sâu như: các giải pháp phòng ngừa tội phạm hay vấn đề hoàn thiện pháp luật để phòng ngừa tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em dưới góc độ tội phạm học. Tuy nhiên, kể từ khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2009 và Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 ra đời đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu tội mua bán người một cách toàn diện và có hệ thống dưới góc độ luật hình sự. Vì vậy, việc nghiên cứu Tội mua bán người một cách toàn diện để làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật, góp phần hoàn thiện BLHS đồng thời đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và Tội mua bán người nói riêng là hết sức quan trọng, nhất là trong tình hình loại tội phạm này đang có xu hướng gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về tội mua bán người dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp hoàn thiện các quy định về tội mua bán người trong luật hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả phòng, chống tội này trong thực tiễn áp dụng.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:-Từ cơ sở kết quả tổng hợp các quan điểm của các tác giả trong và ngoài nước về tội mua bán người, luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về tội mua bán người như: khái niệm, dấu hiệu pháp lý;

-Khái quát sự phát triển của tội mua bán người trong lịch sử pháp luật hình

sự của nước ta từ năm 1945 đến nay để rút ra nhận xét, đánh giá;

-Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội mua bán người, đồng thời phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó.

-Từ đó đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định về tội mua bán người trong Bộ luật hình sự VN hiện hành và nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm này trong thực tiễn.

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh tội mua bán người trong luật hình sự VN, kết hợp việc nghiên cứu đánh giá tình hình tội mua bán người trong phạm vi cả nước và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả phòng chống tội mua bán người trong thực tiễn.

Luận văn cũng có tham khảo những bài học kinh nghiệm lập pháp một số nước trong khi nghiên cứu tội mua bán người.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn tình hình tội mua bán người từ năm 2009 – 2013 trong phạm vi cả nước.

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng VII, IX, X và các Nghị quyết số 8-NQ/TW ngày 2/1/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ chính trị.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thông kê, điều tra xã hội học để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn, vì đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về tội mua bán người, mà trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn liên quan tới tội mua bán người trong luật hình sự VN. Những điểm mới cơ bản của luận văn là:

-Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về Tội mua bán người trong Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội mua bán người; khái niệm, đặc điểm Tội mua bán người.

-Nêu và đánh giá được thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh với Tội mua bán người, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

-Đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người và nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với tội phạm này.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, cơ cấu của luận văn gồm ba chương:

Chương I: Nhận thức chung về tội mua bán người

Chương II: Thực tiễn công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội mua bán người

Chương III: Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với tội mua bán người

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI

1.1. Khái niệm Tội mua bán người

Hiện nay, BLHS 1999 mới chỉ có định nghĩa về Tội phạm chung mà chưa có định nghĩa thế nào là mua bán người? Trong BLHS 1999 (sửa đổi bổ sung 2009), Tội mua bán người được quy định tại Điều 119 và Điều 120 với nội dung như sau:

“Điều 119. Tội mua bán người

1. Người nào mua bán người thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm: a) Vì mục đích mại dâm; b) Có tổ chức; c) Có tính chất chuyên nghiệp; d) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; đ) Để đưa ra nước ngoài; e) Đối với nhiều người; g) Phạm tội nhiều lần;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Điều 120. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em

1. Người nào mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Vì động cơ đê hèn; d) Đối với nhiều trẻ em; đ) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; e) Để đưa ra nước ngoài; g) Để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo; h) Để sử dụng vào mục đích mại dâm; i) Tái phạm nguy hiểm; k) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc phạt quản chế từ một năm đến năm năm”.

Tuy chưa có khái niệm cụ thể về tội mua bán người, nhưng tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP giữa

TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ tư pháp ngày 23/7/2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người; mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em, đã xác định hành vi mua bán người như sau:

“Mua bán người” là hành vi dùng tiền, tài sản hoặc các lợi ích vật chất khác để trao đổi người (từ đủ 16 tuổi trở lên) như một loại hàng hóa; cụ thể là một trong các hành vi sau đây:

1. Bán người cho người khác, không phụ thuộc vào mục đích của người mua.
2. Mua người để bán lại cho người khác, không phân biệt bán lại cho ai và mục đích của người mua sau này như thế nào;
3. Dùng người như là tài sản để trao đổi, thanh toán;
4. Mua người để bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc vì các mục đích trái pháp luật khác;
5. Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán người được hướng dẫn tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người”.

Tại Điều 4 của Thông tư này cũng đã xác định hành vi mua bán trẻ em (người dưới 16 tuổi) tương tự như trên.

1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về Tội mua bán người từ năm 1945 đến nay

1.2.1. Tội mua bán người trong pháp luật hình sự Việt Nam đến trước khi pháp điển hóa hình sự năm 1985

Ở Việt Nam, trong một số văn bản pháp luật của những triều đại phong kiến bước đầu đã có những chế tài hình sự điều chỉnh hành vi buôn bán người. Tuy nhiên những chế tài trừng trị tội buôn bán người còn đơn giản, tính trừng trị chưa cao, nạn nhân bị mua bán không được nhà nước đảm bảo tự do về thân thể. Pháp luật trong giai đoạn sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985, chúng ta có thể nhận thấy chưa có điều luật cụ thể quy định về tội mua bán người. Việc xét xử tội phạm này (nếu có) căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

1.2.2. Tội mua bán người trong pháp luật hình sự Việt Nam từ khi pháp điển hóa hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999

Trong BLHS năm 1985, đã có những quy định về hành vi mua bán phụ nữ, trẻ em. Cụ thể, tại Chương II các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, điều 115 quy định về tội mua bán phụ nữ: “1- Người nào mua bán phụ nữ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm. 2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm: a) Có tổ chức; b) Để đưa ra nước ngoài; c) Mua bán nhiều người; d) Tái phạm nguy hiểm.” Về tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em tại điều 149 Chương các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình và các tội phạm đối với người chưa thành niên quy định: “1- Người nào bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em thì bị phạt tù từ một

năm đến bảy năm. 2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm: a) Có tổ chức hoặc có tính chất chuyên nghiệp; b) Để đưa ra nước ngoài; c) Bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo nhiều trẻ em hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác; d) Tái phạm nguy hiểm.” Ngoài ra, Điều 150 BLHS năm 1985 còn quy định hình phạt bổ sung đối với trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 149 thì bị phạt quản chế từ một năm đến năm năm. Bên cạnh đó, BLHS cũng quy định các tội danh khác, có liên quan đến việc mua bán phụ nữ và trẻ em.

1.2.3. Tội mua bán người trong luật hình sự một số nước trên thế giới

1.2.3.1. Pháp luật hình sự Trung Quốc

BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định hai điều luật riêng biệt là tội buôn bán phụ nữ, trẻ em (Điều 240) và tội mua phụ nữ, trẻ em bị đem bán (Điều 241). Điều 240 đã đưa ra định nghĩa tương đối đầy đủ về tội buôn bán phụ nữ, trẻ em; định nghĩa này đã tiếp cận khá gần với định nghĩa về tội buôn bán người trong pháp luật quốc tế. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trừng phạt rất nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, hình phạt cao nhất được quy định là tử hình.

1.2.3.2. Pháp luật hình sự Thái Lan

Thái Lan đã có một hệ thống pháp luật gồm Luật chống buôn bán người, bảo vệ trẻ em, mại dâm mới, rửa tiền, bảo vệ nhân chứng, dẫn độ, hợp tác quốc tế những vấn đề về hình sự, bảo vệ người lao động và đang dự thảo Luật Chống tội phạm có tổ chức. Pháp luật hình sự Thái Lan quy định cụ thể và nghiêm khắc hơn pháp luật hình sự Việt Nam về tội này. Theo đó, các hành vi được coi là hành vi mua bán người kể cả việc có sự đồng ý của người đó. Hình phạt cao nhất là chung thân và phạt tiền từ 80.000-200.000 бат.

1.2.3.3. Pháp luật hình sự Philippin

Philippin có một đạo luật riêng về tội mua bán phụ nữ. Luật nhấn mạnh và đưa ra hình phạt nghiêm khắc đối với mua bán người có tổ chức, có sự liên minh, liên kết và phân công vai trò rõ ràng trong tổ chức thực hiện tội phạm. Hành vi buôn bán người đặc biệt là phụ nữ, hình phạt cao nhất có thể đến 20 năm tù và phạt tiền từ 1 triệu pesos đến 2 triệu pesos. Tuy nhiên, họ có quy định hình phạt đối với người không tham gia mua bán phụ nữ nhưng có sử dụng phụ nữ bị mua bán.

1.3. Đặc điểm Tội mua bán người

1.3.1. Mục đích phạm tội, dấu hiệu định tội của cấu thành tội phạm Tội mua bán người

Tội phạm là thể thống nhất giữa các yếu tố khách quan và chủ quan, qua đó chúng ta có thể phân định trong tư duy mà khoa học pháp lý hình sự gọi là các yếu tố cấu thành tội phạm. Những yếu tố đó là: khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Việc xác định cấu thành tội phạm Tội mua bán người chính là cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự, là căn cứ pháp lý để định tội và định khung hình phạt. Điều 119 và Điều 120 BLHS không quy định động cơ cũng như mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Như vậy, hành vi

mua bán người vì động cơ gì cũng như nhằm mục đích gì đều phạm tội này. Tuy nhiên nếu với những động cơ mua bán người vì mục đích mại dâm, để lấy bộ phận cơ thể, để đưa ra nước ngoài thì sẽ cấu thành tăng nặng.

1.3.2. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của Tội mua bán người

1.3.2.1. Tội mua bán người (Điều 119 Bộ luật hình sự)

- Khách thể của tội mua bán người

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại đáng kể nhất định. Quan hệ xã hội là khách thể bị xâm phạm ở đây chính là quyền bất khả xâm phạm, tự do thân thể, nhân phẩm của con người.

- Mặt khách quan của tội mua bán người

Mặt khách quan của tội phạm là sự tổng hợp các dấu hiệu do luật hình sự quy định và các tình tiết phản ánh hành vi bên ngoài của sự xâm hại cụ thể nguy hiểm đáng kể cho xã hội đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự.

Mặt khách quan của tội này có các dấu hiệu sau:

Có hành vi mua bán người để thu lợi bất chính. Hình vi này thể hiện dưới hình thức dùng tiền, tài sản hoặc các phương tiện thanh toán khác để đổi lấy người (nhằm đem bán) hoặc ngược lại để thu lợi.

Trên thực tế việc mua bán người được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thông thường được thực hiện một cách lén lút với các hình thức thanh toán đa dạng có thể bằng tiền, bằng tài sản khác, bằng hàng hóa...

Người bị hại phải là người đạt đủ mười sáu tuổi trở lên. Trường hợp người bị hại dưới mười sáu tuổi thì cấu thành tội mua bán trẻ em (Điều 120 Bộ luật Hình sự).

Tội phạm này được coi là hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện xong hành vi mua bán người. Nếu việc mua bán người chưa xảy ra thì được coi là phạm tội chưa đạt.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội không phụ thuộc vào việc bị hại có biết hay không biết mình bị mua bán.

- Chủ thể của tội mua bán người

Chủ thể của tội phạm là người đã có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định. Đối với tội mua bán người, chủ thể phải có dấu hiệu lỗi cố ý. Họ có mục đích mua bán người trước khi hành động, mong muốn hậu quả xảy ra và hành động tự nguyện để đạt được mục đích của mình.

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999, tội mua bán người quy định tại Điều 119 BLHS năm 1999 là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Căn cứ Điều 12 BLHS năm 1999 thì chủ thể của tội mua bán người là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên trong cấu thành cơ bản và từ đủ 14 tuổi trở lên trong cấu thành tăng nặng.

- Mặt chủ quan của tội mua bán người

Mặt chủ quan của tội phạm là đặc điểm tâm lý bên trong của cách xử sự có tính chất tội phạm xâm hại đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, tức là thái độ tâm lý của chủ thể được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đó (lỗi). Người phạm tội thực hiện tội phạm mua bán người với lỗi cố ý. Đó là việc người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm đối với xã hội nhưng đã mong muốn bằng hành động của mình để đạt được mục đích là mua bán người.

Điều luật không quy định động cơ cũng như mục đích phạm tội.

-Về hình phạt:

Mức hình phạt đối với tội phạm này được chia thành hai khung cụ thể như sau:

+ Khung một (khoản 1) Có mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Được áp dụng đối với trường hợp có đủ dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội này nêu ở mặt khách quan.

+Khung hai (khoản 2)Có mức phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm. Được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau: a) Vì mục đích mại dâm...g) Phạm tội nhiều lần;

- **Truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể:** Trường hợp sử dụng thủ đoạn môi giới hôn nhân với người nước ngoài trái phép; Sử dụng thủ đoạn đưa người đi lao động nước ngoài trái phép.

1.3.2.2. Tội mua bán trẻ em (Người dưới 16 tuổi) (Điều 120 Bộ luật hình sự)

- **Khách thể:** Tội phạm mua bán trẻ em đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền được chăm sóc, bảo vệ, quyền được sống trong môi trường bình yên, hạnh phúc, được phát triển lành mạnh của trẻ em - đối tượng được quan tâm, bảo vệ đặc biệt của xã hội. Tuy nhiên, về đối tượng bị mua bán, định nghĩa “trẻ em” theo Điều 1 luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 là “*công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi*”. Trong khi đó, theo pháp luật quốc tế, trẻ em là mọi người dưới 18 tuổi”.

- **Mặt khách quan:** Tội mua bán trẻ em được thể hiện qua hành vi sau: Mua đứa trẻ của người khác nhằm để bán thu lợi; Bán đứa trẻ sau khi mua hoặc sau khi bắt trộm để thu lợi. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp việc mua bán trẻ em không xuất phát từ mục đích vì lợi nhuận mà do tình cảm. Điều luật quy định “mua bán trẻ em” chỉ bao gồm hai loại hành vi là hành vi mua và bán, có nghĩa là việc chuyển giao trẻ em từ người này sang người khác để đổi lấy tiền hoặc lợi ích vật chất. Như vậy, quan niệm về mua bán trẻ em của pháp luật hình sự Việt Nam không bao gồm các hành vi tuyển mộ, vận chuyển, đưa chuyển, chứa chấp và nhận người là những hành vi khác bên cạnh hành vi mua, bán xảy ra trong toàn bộ quá trình buôn bán người được bao hàm trong Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người đặc biệt là buôn bán phụ nữ, trẻ em của Liên hợp quốc năm 2000.

- **Mặt chủ quan:** Tội phạm mua bán trẻ em được thực hiện với lỗi cố ý. Động cơ của người phạm tội mua bán trẻ em có thể là vì lợi nhuận, vì những động

ơ đê hèn như trả thù cá nhân... Về mục đích, Điều 120 BLHS 1999 không quy định mục đích “bóc lột” là dấu hiệu bắt buộc để cấu thành tội mua bán trẻ em mà chỉ cần có sự chuyển giao trẻ em để đổi lấy tiền, lợi ích vật chất là cấu thành tội mua bán trẻ em.

- **Chủ thể của tội mua bán trẻ em:** Cơ sở pháp lý để xác định chủ thể của Tội mua bán trẻ em là các Điều 12,13 và Điều 120 BLHS năm 1999. căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999, tội mua bán trẻ em quy định tại Điều 120 BLHS năm 1999 là tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Căn cứ vào Điều 12 BLHS năm 1999 thì chủ thể của tội mua bán trẻ em là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên trong cấu thành cơ bản và từ đủ 14 tuổi trở lên trong cấu thành tăng nặng.

-**Về hình phạt:**Mức hình phạt của tội này được chia thành hai khung, cụ thể như sau:Khung một (khoản 1) Có mức phạt từ từ ba năm đến mười năm. Được áp dụng đối với trường hợp phạm tội có đủ các dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội này nêu ở mặt khách quan;

Khung hai (khoản 2) Có mức phạt từ từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau: a) Có tổ chức...;k) Gây hậu quả nghiêm trọng.

- **Truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể:**

- **Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp có nhiều hành vi phạm tội**

Chương 2

THỰC TIỄN CÔNG TÁC

PHÒNG NGỪA VÀ ĐẤU TRANH VỚI TỘI MUA BÁN NGƯỜI

2.1. Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người là phải huy động sức mạnh tổng hợp của lực lượng, sử dụng đồng bộ các biện pháp để chủ động phòng ngừa, chủ động tấn công ngăn chặn mọi hành động phạm tội.Trong cuộc đấu tranh này, lực lượng Công an nhân dân xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ được giao luôn giữ vai trò là người xung kích, nòng cốt. Các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng:

-Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước phải gắn liền với việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, và tội phạm hình sự trong đó có tội mua bán người.

-Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn xã hội dưới sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng và Nhà nước...

-Kết hợp công tác phòng ngừa với đấu tranh, trấn áp, xử lý các loại tệ nạn xã hội, tội phạm xã hội trong đó lấy phòng ngừa là chính.

-Xây dựng và thực hiện đồng bộ có hiệu quả các biện pháp phòng chống các

loại tội phạm và tệ nạn xã hội...

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ra đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp và đã có chính sách hình sự triệt để, nghiêm khắc nhằm đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn mua bán người.

2.2. Tình hình Tội mua bán người ở Việt Nam

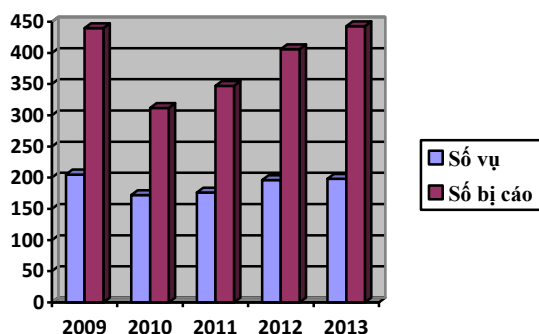
2.2.1. Về số vụ án mua bán người, mua bán trẻ em và số bị cáo phạm tội

Từ năm 2009-2013, ở nước ta xảy ra 947 vụ buôn bán người và trẻ em với 2637 nạn nhân. Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm 877 vụ, 1764 bị cáo.

Bảng 2.1: Tội mua bán người, mua bán trẻ em theo số vụ và số bị cáo (Từ năm 2009 đến năm 2013)

TT	Năm	Số vụ án	Số bị cáo
1	2009	205	440
2	2010	172	312
3	2011	176	347
4	2012	196	406
5	2013	198	443
	Tổng số	947	1948

Nguồn: Phòng Tổng hợp TANDTC

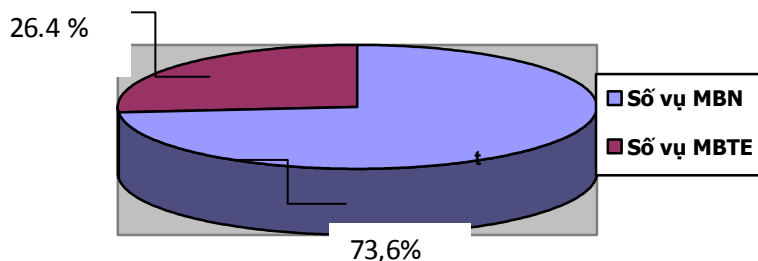


Biểu đồ 2.1: Tội mua bán người, mua bán trẻ em theo số vụ và số bị cáo (Từ năm 2009 đến năm 2013)

Bảng 2.2. Tổng hợp, so sánh số vụ và số bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em (Từ năm 2009 đến năm 2013)

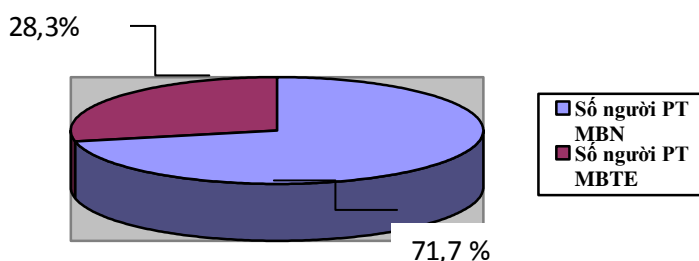
Năm	Số vụ		Tổng số vụ MBN, TE (3)	Tỷ lệ (1) so với (3)	Số người phạm tội		Tổng số người PT MBN, TE (6)	Tỷ lệ (4) so với (6)
	MBN (1)	MBTE (2)			MBN (4)	MBTE (5)		
2009	142	63	205	69,26%	288	152	440	65,45%
2010	130	42	172	75,6%	229	83	312	73,4%
2011	133	43	176	75,56%	250	97	347	72,04%
2012	155	41	196	79,1%	321	85	406	79,06%
2013	137	61	198	69,2%	309	134	443	69,75%
Tổng số	697	250	947	73,6%	1397	551	1948	71,7%

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC



Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Biểu đồ 2.2 So sánh số vụ phạm tội mua bán người (MBN) với số vụ phạm tội mua bán trẻ em (MBTE) giai đoạn 2009-2013



Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Biểu đồ 2.3: So sánh số người phạm tội mua bán người (MBN) với số người phạm tội mua bán trẻ em (MBTE) giai đoạn 2009-2013

Bảng 2.3: Tỷ lệ số vụ mua bán người, mua bán trẻ em trong tổng số vụ phạm tội nói chung

Năm	Số vụ mua bán người, mua bán trẻ em	Số vụ tội phạm nói chung	Tỷ lệ
2009	205	51022	0,4%
2010	172	45452	0,38%
2011	176	55841	0,32%
2012	196	51221	0,38%
2013	198	59000	0,36%
Tổng	947	262536	0,36%

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

2.2.2. Về hình phạt được Tòa án áp dụng đối với bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em

Bảng 2.4: Hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em (2009-2013)

Năm	Hình phạt được Tòa án áp dụng							
	Cảnh cáo	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Tổng hợp hình phạt từ 20 đến 30 năm, tù chung thân
2009	2	0	37	31	155	146	28	6
2010	0	0	10	25	113	104	22	2
2011	0	1	19	21	149	106	17	5
2012	0	0	10	42	161	135	38	7
2013	1	0	8	27	159	147	29	8
Tổng	3	1	84	146	737	638	134	28

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

2.2.3. Về đặc điểm nhân thân bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em

Bảng 2.5: Đặc điểm nhân thân bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em (2009-2013)

Năm	Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo					
	Cán bộ, công chức	Đảng viên	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Dân tộc thiểu số	Nữ	Ngoài nước ngoài
2009	1	2	10	103	131	4
2010	0	1	1	89	70	3
2011	1	1	3	116	99	1
2012	1	0	3	166	90	9
2013	0	4	3	144	74	4
Tổng	3	8	20	618	464	21

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Bảng 2.6: Cơ cấu độ tuổi của bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em (2009-2013)

Năm	Người chưa thành niên	Từ 18 đến 30 tuổi	Trên 30 tuổi trở lên
2009	7	119	274
2010	7	66	201
2011	15	101	199
2012	20	101	265
2013	18	113	258
Tổng	67	500	1197

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

2.2.4. Một số phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người

- Làm quen, lừa gạt, tạo lòng tin
- Lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý xuất, nhập cảnh, đi du lịch nước ngoài, xuất khẩu lao động, cho nhận con nuôi với người nước ngoài và kết hôn với người nước ngoài.
- Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, éo le về tình cảm của nạn nhân
- Xu hướng phạm tội có tổ chức ngày càng thể hiện rõ, có sự câu kết, móc nối giữa các đối tượng có tiền án, tiền sự, các đối tượng chủ chứa, môi giới mại dâm trong và ngoài nước.
- Các đối tượng mua bán người sang nước ngoài hầu hết đều có mối quan hệ với số đối tượng là người nước ngoài.
- Tìm những phụ nữ có con nhỏ hoặc đang mang thai nhưng hoàn cảnh éo le, khó khăn về kinh tế để môi giới cho nhận con nuôi hoặc cho con sau khi sinh để bán các cháu nhỏ sang nước ngoài.
- Làm quen với những phụ nữ có con nhỏ, lợi dụng họ sơ hở để chiếm đoạt con và dùng giấy tờ giả mạo để đem bán các cháu.

2.2.5. Tính chất của tội phạm mua bán người, mua bán trẻ em trong thời gian qua (từ năm 2009-2013)

Thời gian qua, tình hình tội phạm mua bán người diễn ra rất phức tạp, với tính chất, quy mô và thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức và xuyên quốc gia. Tội phạm mua bán người xảy ra trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố tập trung chủ yếu ở các tuyến biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Tội phạm mua bán người không chỉ là mua bán phụ nữ, trẻ em mà mua bán cả nam giới, trẻ sơ sinh, trẻ trong bào thai, nội tạng, đẻ thuê...

Mua bán người là loại tội phạm nguy hiểm thường được thực hiện theo hình thức đồng phạm, hoạt động bí mật trong một thời gian dài theo những đường dây xuyên quốc gia với cơ cấu, tổ chức hết sức chặt chẽ.

Tội mua bán người để lại những hậu quả rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục, chà đạp lên những giá trị đạo đức tốt đẹp của con người, để lại những tổn thất về mặt tinh thần mà nạn nhân phải gánh chịu.

Thủ đoạn mà bọn tội phạm sử dụng rất tinh vi, xảo quyệt như: dụ dỗ, lừa gạt, ép buộc, làm và sử dụng giấy tờ giả để môi giới việc làm, xuất khẩu lao động, lợi dụng triệt để công nghệ viễn thông hiện đại, thông qua Internet, blog, facebook, chat yahoo...

Động cơ chủ yếu của tội mua bán người là lợi nhuận, phạm tội vì mục đích tư lợi.

2.3. Thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người trên địa bàn Hà Nội từ năm 2009-2013

Thành phố Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của cả nước, Là

đầu môi giao thông đường sắt, thủy, bộ và hàng không. Qua báo cáo tổng kết của CATP Hà Nội, hiện Hà Nội có 50 nạn nhân bị mua bán, có 46 nạn nhân (gồm cả số nạn nhân bị mua bán trước năm 2008) đã trở về do được giải cứu hoặc tự giải thoát; 23 trường hợp vắng mặt nghi bị mua bán; 229 đối tượng có tiền án phạm tội mua bán người; 40 đối tượng phạm tội mua bán người đang bị giam giữ, thi hành án; 18 đối tượng có khả năng điều kiện hoạt động mua bán người; 42 đối tượng truy nã tội mua bán người (có 20 đối tượng tình ngoài).

2.3.1. Công tác phòng ngừa

Công tác phòng, chống tội mua bán người đã được Chính phủ xác định là một Chương trình quốc gia. Ngày 18/8/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1428/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người (gọi tắt là Chương trình 130/CP) giai đoạn 2011-2015. Để thực hiện có hiệu quả Chương trình 130/CP của Chính phủ về phòng, chống tội phạm mua bán người trên địa bàn Thủ đô trong thời gian tới, Ban chỉ đạo 130/TP của thành phố Hà Nội có kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn Thành phố Hà Nội với 5 Đề án.

Nhận thức được chức năng, nhiệm vụ then chốt của mình, các đơn vị Công an TP đã thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống tội phạm mua bán người... Tuy nhiên, một số đơn vị còn chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm mua bán người. Do vậy kết quả còn hạn chế.

2.3.2. Công tác đấu tranh

2.3.2.1. Công tác điều tra, khám phá tội phạm mua bán người

Từ năm 2004 đến năm 2010, Công an Thành phố đã điều tra khám phá 79 vụ, bắt 176 đối tượng mua bán người. Đề nghị truy tố 79 vụ với 176 bị can. Ra lệnh truy nã 41 đối tượng bỏ trốn. Tổ chức giải cứu: 62 nạn nhân.

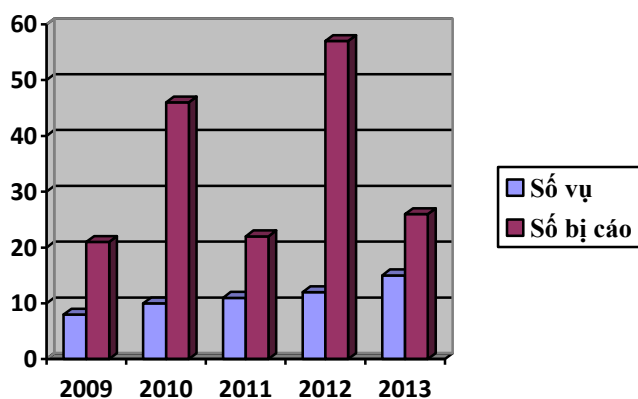
Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác điều tra khám phá tội phạm ở Hà Nội còn gặp một số khó khăn vướng mắc...

3.2.2. Công tác xét xử

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2013, TAND các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thụ lý 56 vụ với 171 bị cáo, đưa ra xét xử sơ thẩm tổng cộng 54 vụ mua bán người với 157 bị cáo.

Bảng 2.7: Số vụ án và bị cáo phạm tội mua bán người, mua bán trẻ em trên địa bàn Hà Nội (Từ năm 2009-2013)

Năm	Khởi tố		Trả hồ sơ cho VKS		Xét xử	
	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo
2009	8	21	0	1	8	20
2010	10	46	0	7	10	39
2011	11	22	1	2	10	20
2012	12	57	0	0	12	57
2013	15	26	1	5	14	21
Tổng số	56	171	2	15	54	157



Biểu đồ 2.4: Số vụ và số bị cáo phạm tội mua bán người, trẻ em trên địa bàn Hà Nội (Từ năm 2009 đến năm 2013)

Bảng 2.8: Số vụ án, số bị cáo phạm tội mua bán người, trẻ em so với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và so với các tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2009 đến 2013

Năm	Tội phạm mua bán người		Tội phạm TM,SK,Đ,NP con người		Tội phạm chung		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị cáo(2)	Số vụ (3)	Số bị cáo (4)	Số vụ (5)	Số bị cáo (6)	(1-3)	(2-4)	(1-5)	(2-6)
2009	8	20	97	244	1.126	1.781	8,2%	8,1%	0,7%	1,1%
2010	10	39	112	206	921	2.420	8,9%	18,9%	1,1%	1,6%
2011	10	20	79	192	1.396	1.508	12,6%	10,4%	0,7%	1,3%
2012	12	57	98	196	1.273	1.970	12,2%	29%	0,9%	2,8%
2013	14	21	102	207	1.172	2.112	13,7%	10,1%	1,2%	1%
Tổng	54	157	488	1045	5888	9791	11,1%	15%	0,9%	1,6%

Nguồn: TAND Thành phố Hà Nội

Bảng 2.9: So sánh số vụ mua bán người, trẻ em trên địa bàn Hà Nội với số vụ mua bán người, trẻ em trên toàn quốc từ năm 2009-2013

Năm	Số vụ	Số vụ MBN,TE Hà Nội	Số vụ MBN,TE Cả nước	Tỷ lệ Hà Nội/cả nước(%)
2009	8	8	205	3,9%
2010	10	10	172	5,8%
2011	10	10	176	5,6%
2012	12	12	196	6,12%
2013	14	14	198	7%
Tổng	54	54	947	5,7%

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Bảng 2.10: So sánh số vụ và số bị cáo phạm tội mua bán người với số vụ và số bị cáo phạm tội mua bán trẻ em trên địa bàn Thành phố Hà Nội từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Số vụ		Tổng số vụ MBN, TE (3)	Tỷ lệ (1) so với (3)	Số người phạm tội		Tổng số người PT MBN, TE (6)	Tỷ lệ (4) so với (6)
	MBN (1)	MBTE (2)			MBN (4)	MBTE (5)		
2009	7	1	8	87,5%	15	5	20	75%
2010	8	2	10	80%	32	7	39	82%
2011	7	3	10	70%	11	9	20	55%
2012	11	1	12	91,6%	54	3	57	94,7%
2013	11	3	14	78,5%	16	5	21	76,2%
Tổng số	44	10	54	81,4%	126	29	157	80%

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Bảng 2.11: Tình hình tội phạm mua bán người, trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hình thức phạm tội:

Tổng số vụ	Hình thức phạm tội	
	Phạm tội đơn lẻ	Đồng phạm
54	18 vụ (33,3%)	36 vụ (66,7%)

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Bảng 2.12: Chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội mua bán người, trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Hình phạt được Tòa án áp dụng							
	Cảnh cáo	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	Tù từ trên 15 năm đến 20 năm	Tổng hợp hình phạt từ 20 đến 30 năm, tù chung thân
2009	0	0	0	3	7	6	4	0
2010	0	0	0	8	15	11	5	0
2011	0	0	0	0	11	8	0	1
2012	0	0	0	4	12	23	18	0
2013	0	0	0	5	7	8	1	0
Tổng	0	0	0	20	52	56	27	1

Nguồn: Phòng tổng hợp TANDTC

Mua bán người được đánh giá là tội phạm có tỷ lệ ảm khá cao. Để đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán phụ nữ trên địa bàn thành phố Hà Nội đạt kết quả cao cần nghiên cứu toàn diện cả phần rõ và phần ảm của tình hình tội phạm.

2.4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.4.1. Nguyên nhân về kinh tế - xã hội

Do tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo càng sâu sắc, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao.

2.4.2. Nguyên nhân về văn hóa - giáo dục

Đó là sự giao thoa của nền văn hóa phương Tây làm ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống của giới trẻ hiện nay công với việc giáo dục trong phạm vi gia đình cũng như toàn xã hội chưa được chú trọng đúng mức, một bộ phận thanh thiếu niên bị cuốn hút vào đời sống vật chất, xem thường đạo lý, bất chấp pháp luật.

2.4.3. Nguyên nhân thuộc về nhận thức và công tác tuyên truyền pháp luật

Nạn nhân của tội mua bán người phần đông còn thiếu hiểu biết pháp luật, hiểu biết xã hội. Do vậy, để hạn chế, ngăn ngừa hành vi phạm tội phải nâng cao ý thức pháp luật cho người dân. Hoạt động tuyên truyền chưa thực sự chú ý đến công tác giáo dục, cảm hóa những nhóm thanh niên chậm tiến, đã có tiền án, tiền sự. Đây là nguy cơ khiến cho tỷ lệ người phạm tội tái phạm, tái phạm nguy hiểm rất cao.

2.4.4. Nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong hoạt động quản lý nhà nước về phòng ngừa tội phạm mua bán người

Công tác quản lý xã hội, nhân khẩu, hộ khẩu, khai báo tạm trú, tạm vắng ở các thành phố lớn còn tồn tại nhiều bất cập.

Hoạt động cấp hộ chiếu, thị thực cho người đi nước ngoài chưa được quản lý chặt chẽ. Ngoài ra, vẫn còn có một số kẽ hở, thiếu sót trong lĩnh vực kết hôn với người nước ngoài, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, sử dụng lao động, xuất khẩu lao động...

Hoạt động quản lý an ninh biên giới, xuất nhập cảnh vẫn còn nhiều hạn chế, sơ hở.

2.4.5. Nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế trong hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật và khó khăn của vấn đề hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm mua bán người

Công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm ở công an cấp xã, phường còn nhiều thiếu sót, tiếp nhận thông tin chậm, ghi thiếu chính xác, bỏ lọt tin báo, tố giác tội phạm.

Kết quả điều tra chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng cũng như số lượng. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ mua bán người còn rất thấp so với thực tế.

Công tác xét xử của tòa án còn tồn tại nhiều vấn đề thiếu sót làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Trình độ chuyên môn của đội ngũ thẩm phán chưa cao. Bên cạnh đó còn có những trường hợp vì tiêu cực mà xét xử không đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Việc giáo dục bị án trong các trại giam chưa thực sự sâu sát.

Bên cạnh đó, công tác điều tra cơ bản nắm tình hình chưa thường xuyên, chưa kịp thời.

Ngoài ra, công tác tổ chức tiếp nhận, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn

nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về còn nhiều khó khăn và bị động.

Việc truy cứu trách nhiệm đối với bọn tội phạm không thể tiến hành được nếu chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia mà cần có sự hợp tác song phương và đa phương giữa các cơ quan chức năng của các quốc gia hữu quan.

2.4.6. Nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân và gia đình họ

- Hầu hết các đối tượng phạm tội thường nhằm đến những người có đặc điểm tâm lý sau: Thứ nhất, tâm lý nhẹ dạ, cả tin. Thứ hai, tâm lý háms lợi. Thứ ba, tâm lý lười lao động, thích hưởng thụ, thích lêu lổng, chơi bời.

- Về phía gia đình các nạn nhân, do thiếu hiểu biết nên họ nghĩ rằng cho con em mình ra nước ngoài lấy chồng, xuất khẩu lao động hay lên thành phố tìm việc sẽ đổi đời, mà họ không biết con em mình bị bán ra nước ngoài làm gái mại dâm, nô lệ tình dục, lấy nội tạng hoặc phải lao động nặng nhọc trong những điều kiện hết sức tồi tệ.

2.4.7. Nguyên nhân xuất phát từ những bất cập của các quy định pháp luật

Các điều luật quy định về tội này trong BLHS năm 1999 còn tồn tại một số bất cập, thiếu sót, còn chưa phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Khi so sánh về tội phạm mua bán người của Việt Nam và tội phạm buôn bán người tại Điều 3 Nghị định thư về chống buôn bán người cho thấy: Chúng ta chỉ quy định về hành vi “mua bán”, chưa có quy định về các hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chuyên giao, chứa chấp (che giấu), tiếp nhận người. Cả hai Điều 119 và 120 đều không quy định thủ đoạn, phương thức mà bọn tội phạm sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Cách phân biệt độ tuổi người lớn (người từ đủ 16 tuổi trở lên) và trẻ em (người dưới 16 tuổi) chưa phù hợp với pháp luật quốc tế vì theo pháp luật quốc tế độ tuổi nạn nhân để phân biệt buôn bán người và buôn bán trẻ em là từ đủ 18 tuổi trở lên (người lớn) và dưới 18 tuổi (trẻ em). Khác với pháp luật quốc tế, Điều 119 và Điều 120 không quy định mục đích “bóc lột” là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này.

Thứ hai, chế tài của tội phạm này quá nhẹ hơn so với nhiều loại tội phạm khác (như buôn lậu hay ma túy) vì thế nó chưa đủ sức răn đe tội phạm.

Thứ ba, quy định về bảo vệ người bị hại và người làm chứng trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc.

Thứ tư, pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật dân sự cũng đã có những quy định xử lý những hành vi liên quan đến mua bán người chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại những tổn thất cho nạn nhân của tội phạm này, song một số quy định còn chung chung, chưa có hướng dẫn cụ thể.

Thứ năm, các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ các quyền con người và phòng ngừa sự phát sinh các nguyên nhân dẫn đến tội phạm mua bán người trong các văn bản từ Hiến pháp, Luật Hôn nhân gia đình, Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân... vẫn còn chung chung, thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện, cần thiết phải bổ sung, có văn bản hướng dẫn cụ thể hóa để việc áp dụng đạt hiệu quả, thống nhất. Bên cạnh đó, vẫn còn một số kẽ hở, thiếu sót trong

một số lĩnh vực pháp luật như lĩnh vực kết hôn với người nước ngoài, cho nhận con nuôi người nước ngoài, sử dụng lao động, xuất khẩu lao động... cần khắc phục để ngăn ngừa các nguyên nhân dẫn đến tội phạm mua bán người.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ ĐẤU TRANH ĐỐI VỚI TỘI MUA BÁN NGƯỜI

3.1. Hoàn thiện pháp luật về Tội mua bán người

-Hoàn thiện các quy định pháp luật về Tội mua bán người để bảo đảm tính tương thích giữa quy định của pháp luật Việt Nam với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Cụ thể, Điều 119, Điều 120 BLHS 1999 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng như sau:

“Điều 119. Tội mua bán người

1. *Người nào đe dọa sử dụng vũ lực, sử dụng vũ lực hoặc các hình thức như bắt cóc, lừa gạt, dối trá, lạm dụng quyền lực hoặc lợi dụng điều kiện, hoàn cảnh của người khác (người từ đủ 18 tuổi trở lên) trong tuyển mộ, giao dịch, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người đó vì mục đích bóc lột thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:

- a) Vì mục đích mại dâm;
- b) Có tổ chức;
- c) Có tính chất chuyên nghiệp;
- d) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- đ) Để đưa ra nước ngoài;
- e) Đối với nhiều người;
- g) Phạm tội nhiều lần;
- h) Phạm tội với người thân;
- i) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- k) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị tịch thu tài sản, phương tiện phạm tội (nếu có), phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.*

Điều 120. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em

1. *Người nào tuyển mộ, giao dịch, vận chuyển, chứa chấp chuyển giao, tiếp nhận trẻ em (người dưới 18 tuổi) dưới bất kỳ hình thức nào vì mục đích bóc lột hoặc đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Vì động cơ đê hèn;
- d) Đối với nhiều trẻ em;
- đ) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- e) Để đưa ra nước ngoài;
- g) Để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo;
- h) Để sử dụng vào mục đích mại dâm;
- i) Tái phạm nguy hiểm;
- k) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- l) Phạm tội với người thân;
- m) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, bị tịch thu tài sản, phương tiện phạm tội (nếu có) hoặc phạt quản chế từ một năm đến năm năm”.

- Đồng thời, hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự, xử lý hành chính, bồi thường dân sự, hôn nhân gia đình liên quan đến hành vi mua bán người, các quy định về trình tự, thủ tục hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng đối với các nạn nhân bị mua bán, các quy định về kết hôn với người nước ngoài, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, sử dụng lao động... Cần nhanh chóng xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

3.2. Những giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với Tội mua bán người tại Việt Nam

3.2.1. Giải pháp về kinh tế - xã hội

Trong đó trọng tâm là vấn đề việc làm, giảm sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Thứ nhất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp xã hội. Thứ hai, cần có chính sách giải quyết việc làm cho người trong độ tuổi lao động.

3.2.2. Giải pháp về văn hóa - giáo dục:

Trong đó đặc biệt chú ý sự kết hợp giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục trong cộng đồng dân cư.

3.2.3. Giải pháp về nâng cao nhận thức và tuyên truyền pháp luật

Phát huy hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật Tập trung tuyên truyền chống kỳ thị, phân biệt với nạn nhân. Kết hợp tuyên truyền với nêu gương...

3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về phòng ngừa tội phạm

- Tăng cường công tác quản lý với các cơ sở kinh doanh nhạy cảm như nhà hàng, khách sạn, quán bar, karaoke, cafe...
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về cư trú.
- Quản lý chặt chẽ việc cấp hộ chiếu, thị thực.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, tăng cường giám sát khi vực biên giới...

3.2.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả của các cơ quan thi hành pháp luật và tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm mua bán người

- Nâng cao công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ.
- Nâng cao hiệu quả công tác điều tra
- Nâng cao vai trò của Viện kiểm sát, Tòa án trong hoạt động truy tố, xét xử.
- Đối với ác cơ quan thi hành án hình sự, cần làm tốt công tác giam giữ, cải tạo đối tượng phạm tội.
- Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực..

3.2.6. Giải pháp về phía nạn nhân và gia đình họ

Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân, bảo vệ nhân chứng, tuyên truyền vận động từ phía các gia đình nạn nhân.

KẾT LUẬN

Có thể tổng quát rằng, tội phạm mua bán người đang diễn biến hết sức phức tạp và gây những hậu quả nặng nề. Tội phạm này không chỉ xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của các nạn nhân mà còn chà đạp lên các giá trị đạo đức tốt đẹp, ảnh hưởng đến cuộc sống lâu dài của các nạn nhân. Qua quá trình nghiên cứu đề tài “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam”, tác giả có một số kết luận sau:

Một là, loại tội phạm này được nghiên cứu dưới dạng lý luận đã góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận chung về tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm, mà tội mua bán người cũng là một tội trong khái niệm “tội phạm” nói chung, đồng thời tác giả còn nghiên cứu và so sánh với pháp luật một số nước về vấn đề này để từ đó có thể học tập những ưu điểm và áp dụng có chọn lọc vào Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng của công tác xây dựng luật về vấn đề này.

Thứ hai là vấn đề thực trạng mua bán người ở Việt Nam hiện nay đang có diễn biến ngày càng phức tạp, nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng. Các đối tượng phạm tội thường dùng các thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt để lừa dối các nạn nhân. Trong nội địa, các nạn nhân thường bị bọn tội phạm lừa gạt, dụ dỗ, cưỡng bức từ nông thôn ra thành thị để bán vào các nhà hàng, khách sạn, quán karaoke, mát xa... ép buộc làm mại dâm. Bên cạnh đó, đã xuất hiện nhiều đường dây mua bán người xuyên quốc gia liên quan đến đối tượng thuộc nhiều địa phương, có sự cấu kết chặt chẽ giữa tội phạm trong nước và nước ngoài. Số người phạm tội không có việc làm chiếm tỷ lệ lớn, chủ yếu là nam giới trong độ tuổi từ 30 tuổi trở lên. Đây là những đặc điểm được chú ý để tìm ra những nguyên nhân và giải pháp đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

Tội mua bán người xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu gồm những nhóm nguyên nhân sau: Mặt trái của sự phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế trong công tác văn hóa - giáo dục, nguyên nhân thuộc về nhận thức và công tác

tuyên truyền pháp luật, nguyên nhân liên quan đến những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về phòng ngừa tội phạm mua bán người, nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế trong hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật và khó khăn của vấn đề hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm mua bán người, nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân và gia đình của họ và những bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành.

Ba là, để hạn chế, khắc phục dần những nguyên nhân phát sinh tội phạm, tác giả mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp phòng ngừa tội phạm tại Chương III “Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với tội mua bán người”. Mặc dù mỗi giải pháp đưa ra đều có chủ thể thực hiện nhưng phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng không chỉ là trách nhiệm của một số cơ quan, tổ chức, đoàn thể mà là trách nhiệm của cả cộng đồng trên toàn thế giới. Chỉ trên cơ sở phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi cá nhân, tổ chức trong toàn xã hội cũng như hợp tác quốc tế chặt chẽ thì hoạt động đấu tranh, phòng ngừa tội phạm mua bán người mới đạt được hiệu quả cao, góp phần kiểm chế và kiểm soát tội phạm mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng và trên toàn quốc nói chung.